



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực  
Việt Nam – Văn phòng Công ty**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty  
Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp số**

0101264520

ngày 12 tháng 7 năm 2017

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2002. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101264520 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thanh Tùng  
Ông Nguyễn Văn Khóa  
Ông Nguyễn Văn Thịnh  
Ông Nguyễn Tiến Khoa  
Ông Khuất Quang Mậu

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Thanh Tùng  
Ông Phạm Đình Lê

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Minh Trung  
Ông Hồ Quang Hải  
Bà Nguyễn Thị Tuyết  
Ông Trần Tấn Nhật  
Ông Trần Anh Tuấn  
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (*từ ngày 21 tháng 4 năm 2017*)  
Thành viên (*đến ngày 21 tháng 4 năm 2017*)  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 3 – CT1 – 583 Nguyễn Trãi,  
Phường Văn Quán, Quận Hà Đông,  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Văn phòng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   
  
Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Văn phòng Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 2 năm 2017.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được soát xét.

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-096-1-SX-VP



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|   | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>30/6/2017 VND</b>     | <b>1/1/2017 VND</b>      |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>  |              |                    |                          |                          |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 130 + 140 + 150)      | <b>100</b>   |                    | <b>216.984.174.832</b>   | <b>147.346.177.267</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                     | <b>110</b>   | <b>8</b>           | <b>54.689.540.215</b>    | <b>57.097.060.312</b>    |
| Tiền  | 111          |                    | 170.165.216              | 830.027.609              |
| Các khoản tương đương tiền                                    | 112          |                    | 54.519.374.999           | 56.267.032.703           |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                            | <b>130</b>   |                    | <b>161.553.608.963</b>   | <b>89.502.436.238</b>    |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                              | 131          | 10                 | 99.483.508.707           | 40.513.616.280           |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                              | 132          |                    | 49.090.039.866           | 38.554.928.509           |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn                                      | 133          |                    | 1.408.518.089            | 1.408.518.089            |
| Phải thu ngắn hạn khác  | 136          | 11                 | 11.571.542.301           | 9.025.373.360            |
| <b>Hàng tồn kho</b>   | <b>140</b>   | <b>13</b>          | <b>715.950.312</b>       | <b>728.844.355</b>       |
| Hàng tồn kho  | 141          |                    | 715.950.312              | 728.844.355              |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                                  | <b>150</b>   |                    | <b>25.075.342</b>        | <b>17.836.362</b>        |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                    | 151          | 17(a)              | 25.075.342               | 17.836.362               |
| <b>Tài sản dài hạn</b><br>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | <b>200</b>   |                    | <b>3.318.855.553.349</b> | <b>3.307.590.477.261</b> |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                             | <b>210</b>   |                    | <b>601.535.588.819</b>   | <b>600.270.556.385</b>   |
| Phải thu nội bộ dài hạn                                       | 214          | 12                 | 601.535.588.819          | 600.270.556.385          |
| <b>Tài sản cố định</b>  | <b>220</b>   |                    | <b>16.878.655.428</b>    | <b>17.613.311.949</b>    |
| Tài sản cố định hữu hình                                      | 221          | 14                 | 16.793.176.263           | 17.518.723.086           |
| Nguyên giá  | 222          |                    | 37.765.678.691           | 37.765.678.691           |
| Giá trị hao mòn lũy kế  | 223          |                    | (20.972.502.428)         | (20.246.955.605)         |
| Tài sản cố định vô hình                                       | 227          | 15                 | 85.479.165               | 94.588.863               |
| Nguyên giá  | 228          |                    | 267.024.704              | 267.024.704              |
| Giá trị hao mòn lũy kế  | 229          |                    | (181.545.539)            | (172.435.841)            |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                                | <b>240</b>   |                    | <b>2.695.222.876.972</b> | <b>2.684.293.233.283</b> |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                       | 242          | 16                 | 2.695.222.876.972        | 2.684.293.233.283        |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>                               | <b>250</b>   |                    | <b>1.950.000.000</b>     | <b>1.950.000.000</b>     |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                | 253          | 9                  | 1.950.000.000            | 1.950.000.000            |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>260</b>   |                    | <b>3.268.432.130</b>     | <b>3.463.375.644</b>     |
| Chi phí trả trước dài hạn                                     | 261          | 17(b)              | 3.268.432.130            | 3.463.375.644            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                         | <b>270</b>   |                    | <b>3.535.839.728.181</b> | <b>3.454.936.654.528</b> |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>30/6/2017 VND</b>     | <b>1/1/2017 VND</b>      |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                       |              |                    |                          |                          |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>                   | <b>300</b>   |                    | <b>2.404.805.943.196</b> | <b>2.347.777.657.381</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                                     | <b>310</b>   |                    | <b>1.248.062.957.042</b> | <b>1.157.482.843.886</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                            | 311          | 18                 | 66.385.546.244           | 137.117.716.185          |
| Thuế và các khoản phải nộp                             |              |                    |                          |                          |
| Nhà nước   | 313          | 19                 | 7.196.552.917            | 2.530.679.259            |
| Phải trả người lao động                                | 314          |                    | 476.761.139              | 3.129.080.987            |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                              | 315          | 20                 | 2.896.080.092            | 1.171.815.298            |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn                               | 316          | 21                 | 885.924.770.814          | 798.086.739.998          |
| Phải trả ngắn hạn khác                                 | 319          | 22                 | 20.620.464.127           | 16.038.801.290           |
| Vay ngắn hạn   | 320          | 23(a)              | 259.976.431.511          | 196.418.205.638          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                              | 322          | 24                 | 4.586.350.198            | 2.989.805.231            |
| <b>Nợ dài hạn</b>                                      | <b>330</b>   |                    | <b>1.156.742.986.154</b> | <b>1.190.294.813.495</b> |
| Vay dài hạn  | 338          | 23(b)              | 1.156.742.986.154        | 1.190.294.813.495        |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>                      | <b>400</b>   |                    | <b>1.131.033.784.985</b> | <b>1.107.158.997.147</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                                  | <b>410</b>   | <b>25</b>          | <b>1.131.033.784.985</b> | <b>1.107.158.997.147</b> |
| Vốn cổ phần  | 411          | 26                 | 1.024.930.980.000        | 1.024.930.980.000        |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>        | 411a         |                    | 1.024.930.980.000        | 1.024.930.980.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần                                   | 412          |                    | 2.963.476.440            | 2.963.476.440            |
| Vốn khác của chủ sở hữu                                | 414          |                    | 1.490.730.951            | 1.490.730.951            |
| Quỹ đầu tư phát triển                                  | 418          | 28                 | 13.502.533.333           | 13.502.533.333           |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                      | 421          |                    | 88.146.064.261           | 64.271.276.423           |
| - <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> | 421a         |                    | 60.665.672.586           | 8.283.639.197            |
| - <i>LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay</i>           | 421b         |                    | 27.480.391.675           | 55.987.637.226           |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>                | <b>440</b>   |                    | <b>3.535.839.728.181</b> | <b>3.454.936.654.528</b> |

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Tuyên Quang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số     | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                                   |
|--|-----------|-------------|----------------------------|-----------------------------------|
|  |           |             | 30/6/2017<br>VND           | 30/6/2016<br>VND<br>Chưa soát xét |
| <b>Doanh thu bán hàng</b>  | <b>01</b> | <b>30</b>   | <b>224.273.804.429</b>     | <b>158.242.304.892</b>            |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>  | <b>11</b> | <b>31</b>   | <b>121.786.363.266</b>     | <b>110.893.190.831</b>            |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>  | <b>20</b> |             | <b>102.487.441.163</b>     | <b>47.349.114.061</b>             |
| Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 32          | 953.905.753                | 946.120.553                       |
| Chi phí tài chính  | 22        | 33          | 57.757.457.203             | 61.524.215.786                    |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>   | 23        |             | 57.563.633.703             | 62.032.623.962                    |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26        | 34          | 11.920.851.904             | 10.880.478.757                    |
| <b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b> | <b>30</b> |             | <b>33.763.037.809</b>      | <b>(24.109.459.929)</b>           |
| Thu nhập khác  | 31        |             | 75.723.543                 | 200.600.000                       |
| Chi phí khác   | 32        |             | 132.480.000                | 132.403.636                       |
| <b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                              | <b>40</b> |             | <b>(56.756.457)</b>        | <b>68.196.364</b>                 |
| <b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                      | <b>50</b> |             | <b>33.706.281.352</b>      | <b>(24.041.263.565)</b>           |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>   | <b>51</b> | <b>36</b>   | <b>6.225.889.677</b>       | <b>-</b>                          |
| <b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>                           | <b>60</b> |             | <b>27.480.391.675</b>      | <b>(24.041.263.565)</b>           |

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Tuyên Quang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp trực tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|  | Mã số     | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                                   |
|--|-----------|-------------|----------------------------|-----------------------------------|
|  |           |             | 30/6/2017<br>VND           | 30/6/2016<br>VND<br>Chưa soát xét |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                               |           |             |                            |                                   |
| Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                     | 01        |             | 187.731.292.444            | 164.508.037.977                   |
| Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (2.169.244.873)            | (2.750.601.894)                   |
| Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |             | (6.843.217.641)            | (7.373.821.475)                   |
| Tiền lãi vay đã trả  | 04        |             | (55.549.340.087)           | (59.610.409.766)                  |
| Thuế nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        |             | (1.688.701.409)            | -                                 |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |             | 199.254.906                | 868.070.329                       |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (59.479.599.133)           | (28.041.808.194)                  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                         | <b>20</b> |             | <b>62.200.444.207</b>      | <b>67.599.466.977</b>             |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                   |           |             |                            |                                   |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (92.916.986.450)           | (32.894.725.627)                  |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | -                          | 200.600.000                       |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        |             | 333.418.547                | 685.962.978                       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                             | <b>30</b> |             | <b>(92.583.567.903)</b>    | <b>(32.008.162.649)</b>           |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                |           |             |                            |                                   |
| Tiền thu từ đi vay   | 33        |             | 112.874.604.170            | 116.771.511.758                   |
| Tiền trả nợ gốc vay  | 34        |             | (82.868.205.638)           | (164.267.784.042)                 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả   | 36        |             | (2.030.723.364)            | (2.745.975.511)                   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                          | <b>40</b> |             | <b>27.975.675.168</b>      | <b>(50.242.247.795)</b>           |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số | Thuyết minh | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                                   |
|--|-------|-------------|----------------------------|-----------------------------------|
|  |       |             | 30/6/2017<br>VND           | 30/6/2016<br>VND<br>Chưa soát xét |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ<br>(50 = 20 + 30 + 40)          | 50    |             | (2.407.448.528)            | (14.650.943.467)                  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ                      | 60    | 8           | 57.097.060.312             | 51.332.490.941                    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | 61    |             | (71.569)                   | (381.829)                         |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) | 70    | 8           | 54.689.540.215             | 36.681.165.645                    |

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Tuyên Quang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 phản ánh số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Văn phòng Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty có 3 đơn vị trực thuộc như sau:

| <b>Đơn vị trực thuộc</b>   | <b>Địa chỉ</b> | <b>Hoạt động kinh doanh chính</b> |
|----------------------------|----------------|-----------------------------------|
| Nhà máy thủy điện Bắc Bình | Bình Thuận     | Sản xuất điện năng                |
| Nhà máy thủy điện Khe Bó   | Nghệ An        | Sản xuất điện năng                |
| Trung tâm tư vấn Thiết kế  | Hà Nội         | Tư vấn, thiết kế                  |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Văn phòng Công ty có 59 nhân viên (1/1/2017: 59 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Văn phòng Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 đối với việc trích trước nguyên giá của tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy thủy điện Khe Bó và Nhà máy thủy điện Bắc Bình.



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Hiện tại mô hình tổ chức kế toán của Công ty được phân cấp như sau:

- Doanh thu của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó được ghi nhận tập trung tại Văn phòng Công ty.
- Chi phí phát sinh tương ứng với doanh thu được hạch toán riêng tại Văn phòng, Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó và sau đó được kết chuyển lên Văn phòng Công ty thông qua tài khoản phải trả nội bộ ngắn hạn.

Do những đặc điểm trong mô hình tổ chức kế toán của Công ty như trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty được lập trên cơ sở như sau:

- Bảng cân đối kế toán bao gồm số liệu của Văn phòng Công ty.
- Kết quả kinh doanh bao gồm doanh thu của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó được ghi nhận tập trung tại Văn phòng Công ty, chi phí của Văn phòng Công ty và các chi phí được kết chuyển từ Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các luồng tiền thu và chi của Văn phòng Công ty.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty phản ánh số liệu của Văn phòng Công ty và tất cả các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

**(b) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.031.079 triệu VND (1/1/2017: 1.010.137 triệu VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này cơ bản dựa trên khả năng của Văn phòng Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để Văn phòng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Văn phòng Công ty.

**(c) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                            |            |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị      | 3 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển   | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng       | 3 – 8 năm  |



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Văn phòng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Văn phòng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước và tình hình khí tượng thủy văn, tính thời vụ của hoạt động kinh doanh thủy điện của Công ty được thể hiện (chia làm mùa khô và mùa mưa) như sau:

- Nhà máy thủy điện Nậm Má có mùa khô từ tháng 11 đến tháng 6 năm sau và mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 10 hàng năm.
- Nhà máy thủy điện Khe Bô và Nhà máy thủy điện Bắc Bình có mùa khô từ tháng 10 đến tháng 6 năm sau và mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 9 hàng năm.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

**6. Các khoản mục bất thường**

Văn phòng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Văn phòng Công ty không có các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                            | <b>30/6/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|----------------------------|------------------|-----------------|
|                            | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Tiền mặt                   | 93.450.798       | 222.496.266     |
| Tiền gửi ngân hàng         | 76.714.418       | 607.531.343     |
| Các khoản tương đương tiền | 54.519.374.999   | 56.267.032.703  |
|                            | <hr/>            | <hr/>           |
|                            | 54.689.540.215   | 57.097.060.312  |

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 20.000.000.000 VND (1/1/2017: không) đã được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Hà Nội.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

| Địa chỉ  | Số lượng | 30/6/2017                    |               | 1/1/2017     |          | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND  | Giá gốc VND   | Giá trị hợp lý VND |
|--|----------|------------------------------|---------------|--------------|----------|--------------------|---------------|---------------|--------------------|
|  |          | % sở hữu và quyền biểu quyết | Giá gốc VND   | Dự phòng VND | Số lượng |                    |               |               |                    |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:<br>Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn | 195.000  | 9,58%                        | 1.950.000.000 | -            | 195.000  | (*)                | 1.950.000.000 | 1.950.000.000 | - (*)              |

(\*) Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

|                      | <b>30/6/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|----------------------|------------------|-----------------|
|                      | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Công ty Mua bán Điện | 99.240.564.894   | 39.491.480.439  |
| Các khách hàng khác  | 242.943.813      | 1.022.135.841   |
|                      | 99.483.508.707   | 40.513.616.280  |

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

|                                | <b>30/6/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|--------------------------------|------------------|-----------------|
|                                | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Công ty Mua bán Điện           | 99.240.564.894   | 39.491.480.439  |
| Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc | 235.693.671      | 1.019.303.452   |
|                                | 99.476.258.565   | 40.510.783.891  |

Khoản phải thu thương mại từ khách hàng là bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của bên bán.

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | <b>30/6/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|--|------------------|-----------------|
|  | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Ký cược, ký quỹ  | 5.438.529.064    | 3.467.105.093   |
| Tạm ứng cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Tương Dương thực hiện Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó | 4.472.363.000    | 4.472.363.000   |
| Tạm ứng cho nhân viên  | 974.110.290      | 512.710.000     |
| Phải thu về lãi tiền gửi   | 151.031.422      | 103.836.210     |
| Các khoản phải thu khác  | 535.508.525      | 469.359.057     |
|  | 11.571.542.301   | 9.025.373.360   |



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu nội bộ dài hạn**

Phải thu nội bộ dài hạn bao gồm i) các khoản tiền vốn và tài sản Văn phòng Công ty đã cấp cho các đơn vị trực thuộc để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và ii) giá trị của tài sản cố định hữu hình chưa được quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được hạch toán tạm tăng tại Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó.

**13. Hàng tồn kho**

|  | 30/6/2017      |                 | 1/1/2017       |                 |
|--|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|  | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên vật liệu                        | 79.343.820     | -               | 92.237.863     | -               |
| Chi phí sản xuất kinh<br>doanh dở dang | 636.606.492    | -               | 636.606.492    | -               |
|  | <hr/>          |                 | <hr/>          |                 |
|  | 715.950.312    | -               | 728.844.355    | -               |

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

| Nguyên giá                    | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng cộng VND  |
|-------------------------------|------------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------|----------------|
| Số dư đầu kỳ và cuối kỳ       | 24.295.608.362               | 9.311.965.596           | 3.783.181.600              | 374.923.133            | 37.765.678.691 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                              |                         |                            |                        |                |
| Số dư đầu kỳ                  | 8.856.652.660                | 8.473.268.654           | 2.581.007.927              | 336.026.364            | 20.246.955.605 |
| Khấu hao trong kỳ             | 429.611.496                  | 118.699.196             | 164.365.741                | 12.870.390             | 725.546.823    |
| Số dư cuối kỳ                 | 9.286.264.156                | 8.591.967.850           | 2.745.373.668              | 348.896.754            | 20.972.502.428 |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                              |                         |                            |                        |                |
| Số dư đầu kỳ                  | 15.438.955.702               | 838.696.942             | 1.202.173.673              | 38.896.769             | 17.518.723.086 |
| Số dư cuối kỳ                 | 15.009.344.206               | 719.997.746             | 1.037.807.932              | 26.026.379             | 16.793.176.263 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 9.905.760.638 VND (1/1/2017: 9.054.124.493 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 68.032.224 VND (1/1/2017: 68.032.224 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 10.405.917.950 VND (1/1/2017: 10.525.532.858 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Văn phòng Công ty.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định vô hình**

|                               | <b>Phần mềm<br/>máy vi tính<br/>VND</b> | <b>Tài sản khác<br/>VND</b> | <b>Tổng cộng<br/>VND</b> |
|-------------------------------|---|-----------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |   |                             |                          |
| Số dư đầu kỳ và cuối kỳ       | 175.210.114                             | 91.814.590                  | 267.024.704              |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |   |                             |                          |
| Số dư đầu kỳ                  | 80.621.251                              | 91.814.590                  | 172.435.841              |
| Khấu hao trong kỳ             | 9.109.698                               | -                           | 9.109.698                |
| Số dư cuối kỳ                 | 89.730.949                              | 91.814.590                  | 181.545.539              |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |   |                             |                          |
| Số dư đầu kỳ                  | 94.588.863                              | -                           | 94.588.863               |
| Số dư cuối kỳ                 | 85.479.165                              | -                           | 85.479.165               |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 91.814.590 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 91.814.590 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

|               | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br/>30/6/2017<br/>VND</b> | <b>30/6/2016<br/>VND<br/>Chưa soát xét</b> |
|---------------|---|--|
| Số dư đầu kỳ  | 2.684.293.233.283                                       | 2.613.766.963.406                          |
| Tăng trong kỳ | 10.929.643.689  | 70.526.269.877                             |
| Số dư cuối kỳ | 2.695.222.876.972                                       | 2.684.293.233.283                          |



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

|  | <b>30/6/2017</b>  | <b>1/1/2017</b>   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | <b>VND</b>        | <b>VND</b>        |
| Nhà điều hành Nhà máy thủy điện Bắc Bình (*) | 19.112.655.008    | 18.806.434.851    |
| Công trình Nhà máy thủy điện Khe Bô (*)      | 2.676.016.179.138 | 2.665.393.755.606 |
| Dự án Thủy điện Sông Luồng                   | 93.042.826        | 93.042.826        |
| Công trình khác                              | 1.000.000         | -                 |
|  | 2.695.222.876.972 | 2.684.293.233.283 |

(\*) Các công trình này đã đi vào hoạt động và được hạch toán tạm tăng tại Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bô, hai đơn vị trực thuộc của Công ty. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị của các công trình này vẫn chưa được quyết toán nên vẫn được theo dõi trên xây dựng cơ bản dở dang của Văn phòng Công ty.

**17. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                 | <b>30/6/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|---------------------------------|------------------|-----------------|
|                                 | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Công cụ và dụng cụ              | 12.147.726       | 14.840.908      |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 12.927.616       | 2.995.454       |
|                                 | 25.075.342       | 17.836.362      |

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

|                  | <b>Công cụ và dụng cụ VND</b> | <b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b> | <b>Tổng cộng VND</b> |
|------------------|-------------------------------|---|----------------------|
| Số dư đầu kỳ     | 40.916.017                    | 3.422.459.627                             | 3.463.375.644        |
| Tăng trong kỳ    | 24.536.364                    | 6.272.640                                 | 30.809.004           |
| Phân bổ trong kỳ | (22.244.430)                  | (203.508.088)                             | (225.752.518)        |
| Số dư cuối kỳ    | 43.207.951                    | 3.225.224.179                             | 3.268.432.130        |

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

|                                 | <b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b> |                 |
|---------------------------------|---|-----------------|
|                                 | <b>30/6/2017</b>                        | <b>1/1/2017</b> |
|                                 | <b>VND</b>                              | <b>VND</b>      |
| Liên danh YMEC-ZHEFU-EEMC       | 16.726.934.446                          | 16.756.318.609  |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực | 10.437.529.475                          | 13.473.187.656  |
| Tổng Công ty 36                 | 8.892.130.691                           | 68.320.850.976  |
| Các nhà cung cấp khác           | 30.328.951.632                          | 38.567.358.944  |
|                                 | <hr/>                                   | <hr/>           |
|                                 | 66.385.546.244                          | 137.117.716.185 |
|                                 | <hr/>                                   | <hr/>           |

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|   | 1/1/2017<br>VND | Số phải nộp<br>trong kỳ<br>VND | Số đã nộp<br>trong kỳ<br>VND | Số đã khấu trừ<br>trong kỳ | 30/6/2017<br>VND |
|---|-----------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------|
| Thuế giá trị gia tăng                               | 306.496.589     | 15.923.305.245                 | (13.395.645.207)             | (1.551.722.922)            | 1.282.433.705    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                          | 1.152.657.772   | 6.225.889.677                  | (1.688.701.409)              | -                          | 5.689.846.040    |
| Thuế thu nhập cá nhân                               | 862.283.258     | 537.117.596                    | (1.272.879.504)              | -                          | 126.521.350      |
| Thuế tài nguyên                                     | 67.290.220      | 334.599.010                    | (386.652.068)                | -                          | 15.237.162       |
| Thuế nhà đất và tiền thuế đất                       | -               | 25.855.232                     | (25.855.232)                 | -                          | -                |
| Các loại thuế khác                                  | -               | 3.000.000                      | (3.000.000)                  | -                          | -                |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản<br>phải nộp khác | 141.951.420     | 82.514.660                     | (141.951.420)                | -                          | 82.514.660       |
|   | 2.530.679.259   | 23.132.281.420                 | (16.914.684.840)             | (1.551.722.922)            | 7.196.552.917    |



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                      | <b>30/6/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|--------------------------------------|------------------|-----------------|
|                                      | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Chi phí lãi vay                      | 2.284.127.306    | 269.833.690     |
| Chi phí thưởng vận hành an toàn điện | 555.502.827      | 637.036.899     |
| Các khoản trích trước khác           | 56.449.959       | 264.944.709     |
|                                      | 2.896.080.092    | 1.171.815.298   |
|                                      | 2.896.080.092    | 1.171.815.298   |

**21. Phải trả nội bộ ngắn hạn**

Phải trả nội bộ ngắn hạn bao gồm các chi phí sản xuất kinh doanh lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó đã được kết chuyển lên Văn phòng Công ty.

**22. Phải trả ngắn hạn khác**

|   | <b>30/6/2017</b> | <b>1/1/2017</b> |
|---|------------------|-----------------|
|   | <b>VND</b>       | <b>VND</b>      |
| Kinh phí công đoàn  | 37.181.638       | 14.201.160      |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp  | -                | 1.972.974       |
| Cổ tức phải trả   | 12.779.738.517   | 14.810.461.881  |
| Phải trả tiền thuế giá trị gia tăng tạm tính  | 6.505.529.741    | -               |
| Tiền ứng vốn tạm thời do Hội đồng di dân, tái định cư huyện Tương Dương trả hộ cho Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó | 1.000.000.000    | 1.000.000.000   |
| Phải trả, phải nộp khác   | 298.014.231      | 212.165.275     |
|   | 20.620.464.127   | 16.038.801.290  |
|   | 20.620.464.127   | 16.038.801.290  |

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

|                                | 1/1/2017<br>Giá trị ghi sổ và<br>số có khả năng<br>trả nợ<br>VND | Biến động trong kỳ |                  | 30/6/2017<br>Giá trị ghi sổ và<br>số có khả năng<br>trả nợ<br>VND |
|--------------------------------|--|--------------------|------------------|---|
|                                |  | Tăng<br>VND        | Giảm<br>VND      |   |
| Vay ngắn hạn                   | 13.318.205.638   | 20.876.431.511     | (13.318.205.638) | 20.876.431.511  |
| Vay dài hạn đến<br>hạn trả (b) | 183.100.000.000  | 125.550.000.000    | (69.550.000.000) | 239.100.000.000   |
|                                | 196.418.205.638  | 146.426.431.511    | (82.868.205.638) | 259.976.431.511   |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

|   | Loại<br>tiền | Lãi suất năm  | 30/6/2017<br>VND | 1/1/2017<br>VND |
|---|--------------|---------------|------------------|-----------------|
| Ngân hàng Thương mại<br>Cổ phần An Bình -<br>Chi nhánh Quảng Ninh | VND          | 7,00% - 9,00% | 16.313.431.511   | 13.318.205.638  |
| Ngân hàng Thương mại<br>Cổ phần An Bình -<br>Chi nhánh Hà Nội     | VND          | 8,08%         | 4.563.000.000    | -               |
|   |              |               | 20.876.431.511   | 13.318.205.638  |

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Văn phòng Công ty có giá trị còn lại là 10.405.917.950 VND (1/1/2017: 10.525.532.858 VND) (Thuyết minh 14) và tiền gửi ngân hàng có giá trị ghi sổ là 20.000.000.000 VND (1/1/2017: không) (Thuyết minh 8).

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

|   | Loại<br>tiền | Lãi suất<br>năm | Năm đáo hạn | 30/6/2017<br>VND  | 1/1/2017<br>VND   |
|---|--------------|-----------------|-------------|-------------------|-------------------|
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (*)                         | VND          | 6,90% - 10,50%  | 2020        | 1.001.466.301.476 | 1.049.466.301.476 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ | VND          | 9,48% - 9,50%   | 2025        | 217.200.000.000   | 223.200.000.000   |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội                | VND          | 9,48% - 9,50%   | 2025        | 93.018.314.030    | 100.728.512.019   |
| Hợp đồng số 93 - 21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN                                     | VND          | 9,48% - 9,50%   | 2025        | 42.807.391.725    | 44.807.391.725    |
| Hợp đồng số 155 - 26.11.15/HĐTD/TPBANK.THN                                    | VND          | 9,48% - 9,50%   | 2020        | 50.210.922.305    | 55.921.120.294    |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Quảng Ninh (*)               | VND          | 9,20% - 9,54%   | 2027        | 84.158.370.648    | -                 |
|   |              |                 |             | 1.395.842.986.154 | 1.373.394.813.495 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng   |              |                 |             | (239.100.000.000) | (183.100.000.000) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng  |              |                 |             | 1.156.742.986.154 | 1.190.294.813.495 |

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản cố định hữu hình và vô hình tạm tăng của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó có giá trị còn lại là 2.437.301.858.445 VND (1/1/2017: 2.526.833.200.690 VND).

(\*) Đây là các khoản vay có lãi suất cố định theo từng lần giải ngân.



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Văn phòng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

|                        | <b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b> |                      |
|------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                        | <b>30/6/2017</b>                  | <b>30/6/2016</b>     |
|                        | <b>VND</b>                        | <b>VND</b>           |
|                        |                                   | <b>Chưa soát xét</b> |
| Số dư đầu kỳ           | 2.989.805.231                     | 7.516.521.993        |
| Trích lập trong kỳ     | 3.605.603.837                     | 1.301.344.131        |
| Tăng khác trong kỳ     | -                                 | 8.000.000            |
| Sử dụng trong kỳ       | (1.012.058.870)                   | (1.911.482.599)      |
| Phân bổ cho các đơn vị | (997.000.000)                     | (1.570.100.000)      |
| Số dư cuối kỳ          | 4.586.350.198                     | 5.344.283.525        |

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|  | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Vốn khác của<br>chủ sở hữu<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận<br>sau thuế chưa<br>phân phối<br>VND | Tổng cộng<br>VND  |
|--|--------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--|-------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>                     | 999.966.710.000    | 27.927.746.440                 | 1.454.930.951                     | 12.670.770.579                  | 60.450.884.457                                 | 1.102.471.042.427 |
| Lỗ thuần trong kỳ - chưa soát xét                            | -                  | -                              | -                                 | -                               | (24.041.263.565)                               | (24.041.263.565)  |
| Trích lập vào các quỹ - chưa soát xét                        | -                  | -                              | -                                 | 867.562.754                     | (867.562.754)                                  | -                 |
| Trích lập vào quỹ khen thưởng,<br>phúc lợi - chưa soát xét   | -                  | -                              | -                                 | -                               | (1.301.344.131)                                | (1.301.344.131)   |
| Sử dụng quỹ đầu tư phát triển<br>- chưa soát xét             | -                  | -                              | 35.800.000                        | (35.800.000)                    | -  | -                 |
| <b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b><br>- chưa soát xét | 999.966.710.000    | 27.927.746.440                 | 1.490.730.951                     | 13.502.533.333                  | 34.240.714.007                                 | 1.077.128.434.731 |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>                     | 1.024.930.980.000  | 2.963.476.440                  | 1.490.730.951                     | 13.502.533.333                  | 64.271.276.423                                 | 1.107.158.997.147 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                                     | -                  | -                              | -                                 | -                               | 27.480.391.675                                 | 27.480.391.675    |
| Trích lập vào quỹ khen thưởng,<br>phúc lợi                   | -                  | -                              | -                                 | -                               | (3.605.603.837)                                | (3.605.603.837)   |
| <b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>                    | 1.024.930.980.000  | 2.963.476.440                  | 1.490.730.951                     | 13.502.533.333                  | 88.146.064.261                                 | 1.131.033.784.985 |

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|  | <b>30/6/2017 và 1/1/2017</b> |                   |
|--|------------------------------|-------------------|
|  | <b>Số cổ phiếu</b>           | <b>VND</b>        |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>                          | 102.493.098                  | 1.024.930.980.000 |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b><br>Cổ phiếu phổ thông  | 102.493.098                  | 1.024.930.980.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b><br>Cổ phiếu phổ thông | 102.493.098                  | 1.024.930.980.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## **27. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 61.205.915.054 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa có thông báo chính thức về thời điểm chốt quyền cổ đông và thời gian chi trả cổ tức đối với khoản phân phối cổ tức này.

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 49.998.335.500 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa có thông báo chính thức về thời điểm chốt quyền cổ đông và thời gian chi trả cổ tức đối với khoản phân phối cổ tức này. Công ty đã chi trả khoản cổ tức này từ tháng 10 năm 2016.

## **28. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

|     | 30/6/2017 |                 | 1/1/2017  |                 |
|-----|-----------|-----------------|-----------|-----------------|
|     | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 2.384     | 54.138.221      | 2.386     | 54.379.621      |

**30. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

|                                | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                                   |
|--------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|
|                                | 30/6/2017<br>VND           | 30/6/2016<br>VND<br>Chưa soát xét |
| Doanh thu bán điện thương phẩm |                            |                                   |
| ▪ Nhà máy thủy điện Nậm Mả     | 4.616.781.111              | 4.639.569.108                     |
| ▪ Nhà máy thủy điện Bắc Bình   | 62.709.787.937             | 16.107.280.266                    |
| ▪ Nhà máy thủy điện Khe Bô     | 156.947.235.381            | 137.495.455.518                   |
|                                | 224.273.804.429            | 158.242.304.892                   |

**31. Giá vốn hàng bán**

|                                     | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                                   |
|-------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|
|                                     | 30/6/2017<br>VND           | 30/6/2016<br>VND<br>Chưa soát xét |
| Giá vốn của điện thương phẩm đã bán |                            |                                   |
| ▪ Nhà máy thủy điện Nậm Mả          | 2.118.957.734              | 2.509.011.354                     |
| ▪ Nhà máy thủy điện Bắc Bình        | 30.232.844.123             | 24.203.715.264                    |
| ▪ Nhà máy thủy điện Khe Bô          | 89.434.561.409             | 84.180.464.213                    |
|                                     | 121.786.363.266            | 110.893.190.831                   |

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                      | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |               |
|--------------------------------------|----------------------------|---------------|
|                                      | 30/6/2017                  | 30/6/2016     |
|                                      | VND                        | VND           |
|                                      |                            | Chưa soát xét |
| Lãi tiền gửi                         | 821.229.151                | 753.317.126   |
| Cổ tức được chia                     | 97.500.000                 | 68.250.000    |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 35.176.602                 | 124.553.427   |
|                                      | 953.905.753                | 946.120.553   |
|                                      | 953.905.753                | 946.120.553   |

**33. Chi phí tài chính**

|                                    | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                |
|------------------------------------|----------------------------|----------------|
|                                    | 30/6/2017                  | 30/6/2016      |
|                                    | VND                        | VND            |
|                                    |                            | Chưa soát xét  |
| Chi phí lãi vay                    | 57.563.633.703             | 62.032.623.962 |
| Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư | -                          | (750.597.372)  |
| Chi phí tài chính khác             | 193.823.500                | 242.189.196    |
|                                    | 57.757.457.203             | 61.524.215.786 |
|                                    | 57.757.457.203             | 61.524.215.786 |

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                     | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                |
|-------------------------------------|----------------------------|----------------|
|                                     | 30/6/2017                  | 30/6/2016      |
|                                     | VND                        | VND            |
|                                     |                            | Chưa soát xét  |
| Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu   | 315.456.099                | 319.571.270    |
| Chi phí nhân viên                   | 6.630.961.818              | 6.590.443.984  |
| Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng | 59.262.420                 | 447.907.807    |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định    | 916.973.203                | 605.176.906    |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định    | 95.052.361                 | 50.340.000     |
| Thuế, phí và lệ phí                 | 41.660.727                 | 33.680.913     |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 545.747.788                | 585.633.001    |
| Chi phí khác bằng tiền              | 3.315.737.488              | 2.247.724.876  |
|                                     | 11.920.851.904             | 10.880.478.757 |
|                                     | 11.920.851.904             | 10.880.478.757 |

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                     | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                |
|-------------------------------------|----------------------------|----------------|
|                                     | 30/6/2017                  | 30/6/2016      |
|                                     | VND                        | VND            |
|                                     |                            | Chưa soát xét  |
| Chi phí nguyên vật liệu             | 423.121.511                | 431.412.964    |
| Chi phí nhân viên                   | 11.406.834.776             | 11.048.744.928 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng | 101.363.743                | 695.315.183    |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định    | 90.589.709.097             | 90.544.154.002 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định    | 602.630.285                | 399.750.539    |
| Thuế, phí và lệ phí                 | 23.343.619.083             | 13.777.842.997 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 2.325.687.064              | 2.232.277.551  |
| Chi phí khác                        | 4.914.249.611              | 2.644.171.424  |

**36. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|                        | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |               |
|------------------------|----------------------------|---------------|
|                        | 30/6/2017                  | 30/6/2016     |
|                        | VND                        | VND           |
|                        |                            | Chưa soát xét |
| Chi phí thuế hiện hành |                            |               |
| Kỳ hiện hành           | 6.225.889.677              | -             |



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                      | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày |                                   |
|--------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|
|                                      | 30/6/2017<br>VND           | 30/6/2016<br>VND<br>Chưa soát xét |
| Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế    | 33.706.281.352             | (24.041.263.565)                  |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 6.741.256.270              | (4.808.252.713)                   |
| Ưu đãi thuế                          | (523.198.593)              | -                                 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế     | 27.332.000                 | 46.106.727                        |
| Thu nhập không bị tính thuế          | (19.500.000)               | (13.650.000)                      |
| Lỗ tính thuế không được sử dụng      | -                          | 4.775.795.986                     |
|                                      | 6.225.889.677              | -                                 |

**(c) Thuế suất áp dụng**

***Nhà máy thủy điện Bắc Bình***

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy thủy điện Bắc Bình có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2016). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

***Nhà máy thủy điện Khe Bó***

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy thủy điện Khe Bó có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong năm 2015 và 2016 và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2023). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Văn phòng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

|  | Giá trị giao dịch                              |                                   |
|--|--|-----------------------------------|
|  | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày<br>30/6/2017<br>VND | 30/6/2016<br>VND<br>Chưa soát xét |
| <b>Các công ty liên quan</b>   |  |                                   |
| <i>Công ty Mua bán Điện</i><br>Doanh thu bán hàng  | 219.657.023.318                                | 153.602.735.784                   |
| <i>Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc</i><br>Doanh thu bán hàng                              | 4.593.188.124                                  | 4.628.601.622                     |
| <b>Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị<br/>và Ban kiểm soát</b><br>Tiền lương và thưởng | 1.351.281.397                                  | 1.378.888.803                     |

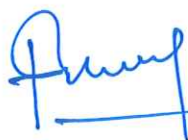
Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Tuyền Quang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

Số: 338 /VNPD-TCKT  
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam giải trình biến động lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo tài chính – Văn Phòng Công ty giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

- Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2017: 33.706.281.352 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2016: -24.041.263.565 đồng.

*Nguyên nhân chủ yếu:*


Lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng đầu năm 2017 tăng 240% so với 6 tháng đầu năm 2016 chủ yếu là do: Lượng nước về các hồ thủy điện trong 6 tháng đầu năm nay nhiều hơn so với cùng kỳ năm trước, sản lượng điện sản xuất của các Nhà máy tăng lên, dẫn đến Doanh thu về SXKD điện tăng cao, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận kỳ này tăng lên. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính : Đồng

| CHỈ TIÊU   | 6 tháng đầu năm<br>2017 | 6 tháng đầu năm<br>2016 | Chênh lệch            |             |
|--|-------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------|
|  |                         |                         | Tăng/giảm             | Tỷ lệ       |
| Doanh thu thuần                                  | 224.273.804.429         | 158.242.304.892         | 66.031.499.537        | 42%         |
| Giá vốn hàng bán                                 | 121.786.363.266         | 110.893.190.831         | 10.893.172.435        | 10%         |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và<br>cung cấp dịch vụ | 102.487.441.163         | 47.349.114.061          | 55.138.327.102        | 116%        |
| Doanh thu hoạt động tài chính                    | 953.905.753             | 946.120.553             | 7.785.200             | 1%          |
| Chi phí tài chính                                | 57.757.457.203          | 61.524.215.786          | (3.766.758.583)       | -6%         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                     | 11.920.851.904          | 10.880.478.757          | 1.040.373.147         | 10%         |
| Lợi nhuận khác                                   | (56.756.457)            | 68.196.364              | (124.952.821)         | -183%       |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>              | <b>33.706.281.352</b>   | <b>(24.041.263.565)</b> | <b>57.747.544.917</b> | <b>240%</b> |

Công ty xin giải trình số liệu với Quý cơ quan và Quý cổ đông.

Trân trọng.

Nơi nhận: 

- Như trên;

- Lưu: VT, TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 939 /CV-VNPD  
V/v: CBTT BCTC bán niên 2017

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Tầng 3 – CT 1 – 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.22131580

Fax: 04.35527987

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Tùng

Địa chỉ: Nhà B1 – CO3 Splendor, KĐT Bắc An Khánh, An Khánh, Hoài Đức, Tp Hà Nội.

Điện thoại: DD: 0912.099.375 – CQ: 04.22131580


Fax: 04.35527987

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ (công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Văn Phòng Công ty giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi; 
- Lưu VT, VP, HĐQT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ  
THÔNG TIN**



**Nguyễn Thanh Tùng**